

Đơn vị: Trường THPT Mường Nhé

Chương: 422

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số/QĐ- THPTMN, ngày tháng 11 năm 2025 của trường THPT Mường Nhé)

Dvt: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí					
1	Lệ phí					
	Lệ phí A					
2	Phí					
	Phí					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1	Lệ phí					
	Lệ phí A					
2	Phí					
	Phí A					

Số TT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	426,259.0	32,979,000.0	202,270.0	211,640.0	33,395,889.0
1	Nguồn Ngân sách trong nước					
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	426,259.0	32,979,000.0	202,270.0	211,640.0	33,395,889.0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	426,259.0	22,728,870.0	64,000		23,219,129.0
	- Trong đó đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh lương.		189,000			
	- Kinh phí tiết kiệm thêm 10% thực hiện điều chỉnh lương					

Số TT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		10,250,130	138,270	211,640	10,176,760
	- Quỹ tiền thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP		580,130.0			580,130
	- Cấp bù học phí theo nghị định 81/2021/NĐ-Cp		102,000			102,000
	- Hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định 238/2025/NĐ-CP		1,280,000	14,350		1,294,350
	- Hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt khó khăn theo nghị định 116/2016/NĐ-CP		7,945,000			7,945,000
	- Hỗ trợ học tập theo nghị định số 57/2017/NĐ-CP		40,000			40,000
	- Hỗ trợ học sinh khuyết tật theo thông tư 42/2013		55,000	10,520		65,520
	- Lao động hợp đồng chuyên môn		218,000		211,640	6,360
	- chi thuê giáo viên thỉnh giảng			67,400		67,400
	- Bổ sung kinh phí tổ chức hội đồng coi chấm thi			46,000		46,000
	- Phần mềm quản lý lương		15,000			15,000
	- Phần mềm quản lý ngân sách		15,000			15,000